



# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN BÌNH MINH VIỆT

Địa chỉ: 667 Kinh Dương Vương, phường An Lạc, Tp. Hồ Chí Minh

MST: 0315517144

Hotline: 0828 92 93 94

Website: binhminhviet.vn

Email: kinhdoanh@binhminhviet.vn



## BẢNG GIÁ ỐNG NHỰA PP-R

Áp dụng từ 07/04/2026 đến khi có thông báo mới

Tiêu chuẩn áp dụng: TCCS 103:2025 - Tham chiếu: DIN 8077:2008-09 & DIN 8078:2008-09

STT	Sản Phẩm		Quy cách đóng gói cây/bao	Áp lực (bar)	Đơn giá (đồng/mét)		STT	Sản Phẩm		Quy cách đóng gói cây/bao	Áp lực (bar)	Đơn giá (đồng/mét)	
	Tên	Quy cách			Chưa thuế	Sau thuế		Tên	Quy cách			Chưa thuế	Sau thuế
1	Ống nhựa PP-R	20x1.9mm	25	10	23,900	25,812	16	Ống nhựa PP-R	20 x 3.4mm	25	20	30,700	33,156
2		25x2.3mm	25	10	41,000	44,280	17		25 x 4.2mm	25	20	54,400	58,752
3		32 x 2.9mm	15	10	57,600	62,208	18		32 x 5.4mm	15	20	79,500	85,860
4		40 x 3.7mm	10	10	77,300	83,484	19		40 x 6.7mm	10	20	123,200	133,056
5		50 x 4.6mm	5	10	113,300	122,364	20		50 x 8.3mm	5	20	191,500	206,820
6		63 x 5.8mm	4	10	180,700	195,156	21		63 x 10.5mm	4	20	302,200	326,376
7		75 x 6.8mm	2	10	252,300	272,484	22		75 x 12.5mm	2	20	428,600	462,888
8		90 x 8.2mm	2	10	366,200	395,496	23		90 x 15.0mm	2	20	624,600	674,568
9		110 x 10.0mm	1	10	585,600	632,448	24		110 x 18.3mm	1	20	924,800	998,784
10	Ống nhựa PP-R chống UV	20x1.9mm	25	10	33,400	36,072	25	Ống nhựa PP-R chống UV	20 x 3.4mm	25	20	41,300	44,604
11		25x2.3mm	25	10	59,300	64,044	26		25 x 4.2mm	25	20	72,300	78,084
12		32 x 2.9mm	15	10	77,000	83,160	27		32 x 5.4mm	15	20	106,400	114,912
13		40 x 3.7mm	10	10	103,300	111,564	28		40 x 6.7mm	10	20	164,700	177,876
14		50 x 4.6mm	5	10	151,600	163,728	29		50 x 8.3mm	5	20	255,800	276,264
15		63 x 5.8mm	4	10	241,500	260,820	30		63 x 10.5mm	4	20	403,300	435,564

### Ghi chú:

Ống có chiều dài 4m, nếu Quý khách có nhu cầu khác, vui lòng liên hệ chúng tôi.

## BẢNG GIÁ PHỤ TÙNG PP-R

Áp dụng từ 07/04/2026 đến khi có thông báo mới

Tiêu chuẩn áp dụng: TCCS 202:2025 - Tham chiếu: TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013

STT	Sản Phẩm		Quy cách đóng gói cái/thùng	Áp lực (bar)	Đơn giá (đồng/cái)		STT	Sản Phẩm		Quy cách đóng gói cái/thùng	Áp lực (bar)	Đơn giá (đồng/cái)	
	Tên	Quy cách			Chưa thuế	Sau thuế		Tên	Quy cách			Chưa thuế	Sau thuế
1	Cổ 90°	20	500c/t	20	6,200	6,696	13	Cổ 45°	20	500c/t	20	5,200	5,616
2		25	250c/t	20	8,300	8,964	14		25	300c/t	20	8,300	8,964
3		32	125c/t	20	14,300	15,444	15		32	160c/t	20	12,400	13,392
4		40	80c/t	20	23,700	25,596	16		40	100c/t	20	24,600	26,568
5		50	40c/t	20	41,200	44,496	17		50	50c/t	20	47,200	50,976
6		63	25c/t	20	126,200	136,296	18		63	25c/t	20	109,300	118,044
7	Chữ T	20	300c/t	20	7,200	7,776	19	Nối trơn	20	600c/t	20	3,300	3,564
8		25	200c/t	20	11,300	12,204	20		25	400c/t	20	5,500	5,940
9		32	100c/t	20	18,400	19,872	21		32	250c/t	20	8,500	9,180
10		40	60c/t	20	40,300	43,524	22		40	160c/t	20	13,700	14,796
11		50	40c/t	20	59,100	63,828	23		50	100c/t	20	24,800	26,784
12		63	20c/t	20	141,800	153,144	24		63	40c/t	20	52,000	56,160





# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN BÌNH MINH VIỆT

Địa chỉ: 667 Kinh Dương Vương, phường An Lạc, Tp. Hồ Chí Minh

MST: 0315517144

Hotline: 0828 92 93 94

Website: binhminhviet.vn

Email: kinhdoanh@binhminhviet.vn

STT	Sản Phẩm		Quy cách đóng gói cái/thùng	Áp lực (bar)	Đơn giá (đồng/cái)		STT	Sản Phẩm		Quy cách đóng gói cái/thùng	Áp lực (bar)	Đơn giá (đồng/cái)	
	Tên	Quy cách			Chưa thuế	Sau thuế		Tên	Quy cách			Chưa thuế	Sau thuế
25	Nồi rút	25 x 20	400c/t	20	5,100	5,508	60	Chữ T rút	25 x 20	200c/t	20	11,300	12,204
26		32 x 20	300c/t	20	7,200	7,776	61		32 x 20	125c/t	20	19,800	21,384
27		32 x 25	250c/t	20	7,400	7,992	62		32 x 25	125c/t	20	20,000	21,600
28		40 x 20	160c/t	20	11,200	12,096	63		40 x 20	80c/t	20	43,500	46,980
29		40 x 25	125c/t	20	11,300	12,204	64		40 x 25	80c/t	20	43,900	47,412
30		40 x 32	125c/t	20	11,500	12,420	65		40 x 32	60c/t	20	44,300	47,844
31		50 x 20	80c/t	20	19,800	21,384	66		50 x 20	40c/t	20	76,500	82,620
32		50 x 25	80c/t	20	20,100	21,708	67		50 x 25	40c/t	20	77,200	83,376
33		50 x 32	80c/t	20	20,400	22,032	68		50 x 32	40c/t	20	77,900	84,132
34		50 x 40	80c/t	20	20,600	22,248	69		50 x 40	40c/t	20	78,700	84,996
35	Nồi ren trong	20 x 1/2"	250c/t	20	51,600	55,728	70	Co ren trong	20 x 1/2"	200c/t	20	57,400	61,992
36		20 x 3/4"	240c/t	20	63,000	68,040	71		20 x 3/4"	150c/t	20	70,000	75,600
37		25 x 1/2"	250c/t	20	63,100	68,148	72		25 x 1/2"	160c/t	20	65,200	70,416
38		25 x 3/4"	240c/t	20	70,400	76,032	73		25 x 3/4"	150c/t	20	87,800	94,824
39		32 x 3/4"	200c/t	20	91,000	98,280	74		32 x 3/4"	125c/t	20	140,000	151,200
40	Nồi ren ngoài	20 x 1/2"	280c/t	20	65,200	70,416	75	Co ren ngoài	20 x 1/2"	200c/t	20	80,800	87,264
41		20 x 3/4"	160c/t	20	72,000	77,760	76		20 x 3/4"	150c/t	20	90,000	97,200
42		25 x 1/2"	240c/t	20	75,300	81,324	77		25 x 1/2"	150c/t	20	91,300	98,604
43		25 x 3/4"	160c/t	20	90,900	98,172	78		25 x 3/4"	125c/t	20	107,900	116,532
44		32 x 3/4"	160c/t	20	112,000	120,960	79		32 x 3/4"	100c/t	20	140,000	151,200
45	Chữ T ren trong	20 x 1/2"	200c/t	20	57,900	62,532	80	Co rút	25 x 20	250c/t	20	10,900	11,772
46		20 x 3/4"	150c/t	20	80,000	86,400	81		32 x 20	125c/t	20	14,000	15,120
47		25 x 1/2"	150c/t	20	61,900	66,852	82		32 x 25	125c/t	20	17,800	19,224
48		25 x 3/4"	150c/t	20	90,300	97,524	83		40 x 25	100c/t	20	40,200	43,416
49		32 x 3/4"	80c/t	20	200,500	216,540	84		40 x 32	100c/t	20	40,200	43,416
50	Chữ T ren ngoài	20 x 1/2"	200c/t	20	71,300	77,004	85	Khớp nối sống	20	240c/t	20	40,600	43,848
51		20 x 3/4"	125c/t	20	85,200	92,016	86		25	125c/t	20	63,100	68,148
52		25 x 1/2"	125c/t	20	77,400	83,592	87		32	100c/t	20	91,800	99,144
53		25 x 3/4"	100c/t	20	93,600	101,088	88		40	50c/t	20	99,400	107,352
54		32 x 3/4"	80c/t	20	200,000	216,000	89		Cầu vượt	20	200c/t	20	16,300
55	Nắp khóa	20	1000c/t	20	3,100	3,348	90	25		100c/t	20	30,600	33,048
56		25	500c/t	20	5,200	5,616	91	Van cửa	20	50c/t	20	271,400	293,112
57		32	300c/t	20	7,900	8,532	92		25	50c/t	20	312,200	337,176
58		40	150c/t	20	10,500	11,340	93		32	40c/t	20	447,900	483,732
59		50	100c/t	20	19,600	21,168	94						



### Ghi chú:

Nếu Quý khách có nhu cầu khác, vui lòng liên hệ chúng tôi.